ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 08 /QĐ-UBND	*Ninh Thuận, ngày 06 tháng 01 năm 2021*

BAN QUẢN LÝ VƯỜN QUỐC GIA PHƯỚC BÌNH
ĐẾN Số: 20
Ngày 13 tháng 1 năm 21

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao biên chế sự nghiệp (số lượng người làm việc) tại các đơn vị sự nghiệp do Nhà nước đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên hoặc đảm bảo một phần chi thường xuyên thuộc tỉnh Ninh Thuận năm 2021

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Công văn số 4855/BNV-TCBC ngày 16/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về số lượng người làm việc và hợp đồng lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Ninh Thuận năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh giao biên chế công chức; phê duyệt tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập và biên chế Hội trên địa bàn tỉnh năm 2021;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 3705/TTr-SNV ngày 31 tháng 12 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao **11.763** chỉ tiêu biên chế sự nghiệp *(số lượng người làm việc)* tại các đơn vị sự nghiệp do Nhà nước đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên hoặc đảm bảo một phần chi thường xuyên thuộc tỉnh Ninh Thuận năm 2021 *(đính kèm phụ lục)*.

Thời gian thực hiện kể từ ngày 01/01/2021.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan:

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có tên tại Điều 1 có trách nhiệm quản lý và sử dụng số biên chế được giao theo quy định của pháp luật hiện hành; đảm bảo nguồn biên chế dự phòng để thực hiện tinh giảm biên chế năm 2022 theo Quyết định số 1540/QĐ-UBND ngày 20/9/2018 về việc phê duyệt Kế hoạch thu hồi biên chế sự nghiệp giai đoạn 2015-2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận và các văn bản pháp luật có liên quan đến việc tinh giảm biên chế.

2. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm phân bổ chỉ tiêu biên chế sự nghiệp đối với các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo trên tổng số biên chế được Chủ tịch Ủy

ban nhân dân tỉnh giao phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và đúng theo định mức quy định, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ đạt hiệu quả.

3. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát nhu cầu thực tế; đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có ý kiến xử lý 196 biên chế dự phân bổ bổ sung theo đúng quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh. ***Thời hạn hoàn thành trong tháng 01/2021***.

b) Kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn biên chế được giao; chủ động rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, phân bổ, sử dụng nguồn biên hế dự phòng đảm bảo hiệu quả, đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có tên nêu tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Lưu: VT, VXNV.PD

CHỦ TỊCH

Trần Quốc Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC
GIAO BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC (SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC) TẠI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Quyết định số 08../QĐ-UBND ngày 06. tháng 01. năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Chỉ tiêu biên chế năm 2020	Thu hồi biên chế năm 2021				Chỉ tiêu biên chế giao năm 2021
			Thu theo Quyết định số 1540/QĐ-UBND	Thu do tự đảm bảo hoàn toàn chi thường xuyên	Tổng cộng		
	TỔNG CỘNG	**12061**	**-283**	**0**	**-283**	**196**	**11763**
I	**Giáo dục - Đào tạo (kể cả các đơn vị có sử dụng biên chế sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo)**	**9238**	**-276**	**0**	**-276**	**0**	**8962**
1	**Cao đẳng chuyên nghiệp, Cao đẳng nghề**	**123**	**-2**	**0**	**-2**	**0**	**121**
	Trường Cao Đẳng sư phạm Ninh Thuận (trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo) - đang trình Đề án hợp nhất vào Trường Đại học Nông lâm thành phố HCM (đã điều chỉnh 13 biên chế từ Trường CĐSP về Sở GDĐT tại QĐ số 1959/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)	50	0	0	0		50
	Trường Cao đẳng Nghề Ninh Thuận	73	-2	0	-2		71
2	**Trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo**	**1402**	**-56**	**0**	**-56**	**0**	**1346**
2.1	Bậc Trung học cơ sở (đã điều chỉnh tại QĐ số 1959/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)	188	-13		-13		175

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Chỉ tiêu biên chế năm 2020	Thu hồi biên chế năm 2021				Chỉ tiêu biên chế giao năm 2021
			Thu theo Quyết định số 1540/QĐ-UBND	Thu do tự đảm bảo hoàn toàn chi thường xuyên	Tổng cộng		
2.2	Bậc Trung học phổ thông (năm 2020 điều chuyển 13 biên chế chưa sử dụng tại Trường Cao đẳng Sư phạm về Sở GDĐT nên 03 chỉ tiêu thu hồi năm 2021 của Trường Cao đẳng Sư phạm thực hiện thu tại Sở GDĐT)	1155	-41		-41		1114
2.3	Các Trung tâm	59	-2	0	-2	0	57
	Trung tâm Giáo dục Thường xuyên -Hướng nghiệp tỉnh (đã điều chỉnh tại QĐ số 1959/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)	41	-1		-1		40
	Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh (đã điều chỉnh tại QĐ số 1959/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)	18	-1		-1		17
3	**Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm**	**1729**	**-52**	**0**	**-52**		**1677**
4	**Huyện Ninh Hải**	**1155**	**-31**		**-31**		**1124**
5	**Huyện Ninh Phước**	**1550**	**-38**		**-38**		**1512**
6	**Huyện Ninh Sơn**	**1024**	**-24**		**-24**		**1000**
7	**Huyện Bác Ái**	**707**	**-24**		**-24**		**683**
8	**Huyện Thuận Bắc**	**660**	**-21**		**-21**		**639**
9	**Huyện Thuận Nam**	**768**	**-24**		**-24**		**744**
10	**Các cơ sở giáo dục khác trực thuộc cơ quan, đơn vị khác**	**120**	**-4**	**0**	**-4**	**0**	**116**
	Trường Trung cấp Y tế	24	0		0		24
	Cơ sở cai nghiện ma túy	17	-1		-1		16

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Chỉ tiêu biên chế năm 2020	Thu hồi biên chế năm 2021				Chỉ tiêu biên chế giao năm 2021
			Thu theo Quyết định số 1540/QĐ-UBND	Thu do tự đảm bảo hoàn toàn chi thường xuyên	Tổng cộng		
	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên huyện Ninh Sơn	35	-1		-1		34
	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên huyện Ninh Phước	32	-2		-2		30
	Trung tâm Giáo dục nghề nghề, giáo dục thường xuyên huyện Thuận Bắc	12			0		12
II	**Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Y tế**	**1699**	**0**		**0**	**0**	**1699**
1	**Tuyến tỉnh**	**418**	**0**		**0**	**0**	**418**
1.1	**Bệnh viện**	**251**	**0**		**0**	**0**	**251**
	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	96	0		0		96
	Khám chữa bệnh	46					46
	Hệ dự phòng	50					50
	Bệnh viện Y dược cổ truyền	105	0		0		105
	Bệnh viện chuyên khoa Da liễu- Tâm thần	50			0		50
	Khám chữa bệnh	20					20
	Hệ dự phòng	30					30
1.2	**Các Trung tâm trực thuộc**	**167**	**0**		0	**0**	**167**
	Trung tâm kiểm soát bệnh tật (tách một phần nhiệm vụ về Trung tâm Kiểm soát Dược phẩm-Thực phẩm và Thiết bị y tế)	112	0		0		112

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Chỉ tiêu biên chế năm 2020	Thu hồi biên chế năm 2021				Chỉ tiêu biên chế giao năm 2021
			Thu theo Quyết định số 1540/QĐ-UBND	Thu do tự đảm bảo hoàn toàn chi thường xuyên	Tổng cộng		
	Trung tâm Kiểm soát Dược phẩm-Thực phẩm và Thiết bị y tế (bổ sung nhiệm vụ kiểm nghiệm thuốc và kiểm chuẩn trang thiết bị y tế)	32	0		0		32
	Trung tâm Giám định Y khoa - Pháp y	23	0		0		23
2	**Tuyến huyện**	**781**	**0**	**0**	**0**	**0**	**781**
2.1	Trung tâm Y tế thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	85	0	0	0		85
	Khám chữa bệnh	39	0		0		39
	Hệ dự phòng	46	0		0		46
2.2	Trung tâm Y tế huyện Ninh Hải	115	0	0	0		115
	Khám chữa bệnh	84	0		0		84
	Hệ dự phòng	31	0		0		31
2.3	Trung tâm Y tế huyện Bác Ái	72	0	0	0		72
	Khám chữa bệnh	10	0		0		10
	Hệ dự phòng	62	0		0		62
2.4	Trung tâm Y tế huyện Thuận Nam	63	0	0	0		63
	Khám chữa bệnh	27	0		0		27
	Hệ dự phòng	36	0		0		36
2.5	Trung tâm Y tế huyện Ninh Sơn	191	0	0	0		191
	Khám chữa bệnh	156	0		0		156

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Chỉ tiêu biên chế năm 2020	Thu hồi biên chế năm 2021				Chỉ tiêu biên chế giao năm 2021
			Thu theo Quyết định số 1540/QĐ-UBND	Thu do tự đảm bảo hoàn toàn chi thường xuyên	Tổng cộng		
	Hệ dự phòng	35	0		0		35
2.6	Trung tâm Y tế huyện Ninh Phước	165	0	0	0		165
	Khám chữa bệnh	124	0		0		124
	Hệ dự phòng	41	0		0		41
2.7	Trung tâm Y tế huyện Thuận Bắc	90	0	0	0		90
	Khám chữa bệnh	60	0		0		60
	Hệ dự phòng	30	0		0		30
3	**Y tế xã, phường, thị trấn**	**500**	**0**	**0**	**0**		**500**
	Các Trạm Y tế thuộc Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm	119			0		119
	Các Trạm Y tế thuộc TTYT huyện Ninh Hải	77			0		77
	Các Trạm Y tế thuộc TTYT huyện Bác Ái	54	0		0	0	54
	Các Trạm Y tế thuộc TTYT huyện Thuận Nam	59	0		0	0	59
	Các Trạm Y tế thuộc TTYT huyện Ninh Sơn	63			0		63
	Các Trạm Y tế thuộc TTYT huyện Ninh Phước	85			0		85
	Các Trạm Y tế thuộc TTYT huyện Thuận Bắc	43	0		0		43
III	**Văn hoá, thể thao**	**353**	**-3**	**0**	**-3**		**350**
1	**Cấp tỉnh**	**254**	**-2**	**0**	**-2**		**252**

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Chỉ tiêu biên chế năm 2020	Thu hồi biên chế năm 2021				Chỉ tiêu biên chế giao năm 2021
			Thu theo Quyết định số 1540/QĐ-UBND	Thu do tự đảm bảo hoàn toàn chi thường xuyên	Tổng cộng		
a	**Sự nghiệp thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**	**176**	**0**	**0**	**0**		**176**
	Bảo tàng tỉnh	15	0		0		15
	Thư viện tỉnh	17			0		17
	Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật tỉnh (thành lập mới trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Văn hóa tỉnh, Trung tâm Phát hành phim và Chiếu bóng và Trung tâm Hoạt động Thanh thiếu niên)	46			0		46
	Trung tâm nghiên cứu văn hóa Chăm	15			0		15
	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao	21			0		21
	Đoàn Ca múa nhạc dân tộc tỉnh Ninh Thuận	51	0		0		51
	Trung tâm Thông tin xúc tiến du lịch	11	0		0		11
b	**Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Ninh Thuận**	**78**	**-2**	**0**	**-2**		**76**
2	**Cấp huyện**	**99**	**-1**	**0**	**-1**	**0**	**98**
	Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	21	-1		-1		20
	Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh huyện Ninh Hải	15			0		15
	Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh huyện Ninh Phước	14			0		14

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Chỉ tiêu biên chế năm 2020	Thu hồi biên chế năm 2021				Chỉ tiêu biên chế giao năm 2021
			Thu theo Quyết định số 1540/QĐ-UBND	Thu do tự đảm bảo hoàn toàn chi thường xuyên	Tổng cộng		
	Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh huyện Ninh Sơn	12			0		12
	Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh huyện Bác Ái	12			0		12
	Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh huyện Thuận Bắc	10			0		10
	Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh huyện Thuận Nam	15			0		15
IV	Các đơn vị sự nghiệp khác	560	-4		-4	0	556
1	**CẤP TỈNH**	**525**	**-4**		**-4**	**0**	**521**
a	**Sự nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**	**285**	**0**		**0**	**0**	**285**
	Trung tâm Khuyến nông	59	0		0		59
	Trung tâm Dịch vụ Giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản (hợp nhất từ Trung tâm Giống cây trồng vật nuôi và Trung tâm Giống hải sản cấp 1)	11			0		11
	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (bộ phận sự nghiệp)	29	0		0		29
	Chi cục Thủy sản (bộ phận sự nghiệp)	33			0		33
	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (bộ phận sự nghiệp)	24			0		24
	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (bộ phận sự nghiệp)	2			0		2

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Chỉ tiêu biên chế năm 2020	Thu hồi biên chế năm 2021				Chỉ tiêu biên chế giao năm 2021
			Thu theo Quyết định số 1540/QĐ-UBND	Thu do tự đảm bảo hoàn toàn chi thường xuyên	Tổng cộng		
	Ban Quản lý Rừng phòng hộ đầu nguồn liên hồ Sông Sắt-Sông Trâu (hợp nhất từ BQLR PHĐN Hồ Sông Trâu và BQLR Hồ Sông Sắt)	53			0		53
	Ban Quản lý Rừng phòng hộ đầu nguồn Hồ Tân Giang	31			0		31
	Ban Quản lý Rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam	23			0		23
	Ban Quản lý Rừng phòng hộ Krôngpha	20			0		20
b	**Ban Quản lý Vườn Quốc gia Núi Chúa**	**32**	**0**	**0**	**0**	**0**	**32**
	Cơ quan Ban Quản lý Vườn Quốc gia Núi Chúa	32	0		0		32
c	**Ban Quản lý Vườn Quốc gia Phước Bình**	**32**	**-1**	**0**	**-1**	**0**	**31**
	Cơ quan Ban Quản lý Vườn Quốc gia Phước Bình	23	-1		-1		22
	Trung tâm Giáo dục môi trường và Dịch vụ môi trường	9			0		9
d	**Văn phòng Điều phối chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020**	**4**	**0**	**0**	**0**	**0**	**4**
đ	**Sự nghiệp thuộc Sở Tư pháp**	**28**	**0**	**0**	**0**	**0**	**28**
	Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản	6			0		6
	Trung tâm Trợ giúp pháp lý	22			0		22
e	**Sự nghiệp thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư**	**23**	**-1**	**0**	**-1**	**0**	**22**
	Văn phòng Phát triển kinh tế	23	-1		-1		22
g	**Sự nghiệp thuộc Sở Công Thương**	**17**	**-1**	**0**	**-1**	**0**	**16**

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Chỉ tiêu biên chế năm 2020	Thu hồi biên chế năm 2021				Chỉ tiêu biên chế giao năm 2021
			Thu theo Quyết định số 1540/QĐ-UBND	Thu do tự đảm bảo hoàn toàn chi thường xuyên	Tổng cộng		
	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại	17	-1		-1		16
h	**Sự nghiệp thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường**	**41**	**0**		**0**	**0**	**41**
	Văn phòng Đăng ký đất đai Ninh Thuận	41	0		0		41
i	**Sự nghiệp thuộc Sở Lao động - Thương binh và xã hội**	**32**	**0**	**0**	**0**	**0**	**32**
	Trung tâm Công tác xã hội	23			0		23
	Trung tâm Dịch vụ việc làm	9			0		9
k	**Sự nghiệp thuộc Sở Thông tin và Truyền thông**	**22**	**-1**	**0**	**-1**	**0**	**21**
	Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông	22	-1		-1		21
l	**Tỉnh đoàn**	**6**	**0**	**0**	**0**	**0**	**6**
	Tổng đội thanh niên xung phong tỉnh Ninh Thuận	6			0		6
m	**Hội Nông dân tỉnh**	**3**	**0**		**0**	**0**	**3**
	Trung tâm Hỗ trợ nông dân tỉnh	3			0		3
2	**Cấp huyện**	**35**	**0**	**0**	**0**	**0**	**35**
a	**Thành phố PR-TC**	**8**	**0**	**0**	**0**	**0**	**8**
	Đội Quản lý trật tự đô thị	3			0		3
	Trung tâm phát triển quỹ đất	5			0		5
b	**Huyện Ninh Hải**	**5**	**0**	**0**	**0**	**0**	**5**

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Chỉ tiêu biên chế năm 2020	Thu hồi biên chế năm 2021				Chỉ tiêu biên chế giao năm 2021
			Thu theo Quyết định số 1540/QĐ-UBND	Thu do tự đảm bảo hoàn toàn chi thường xuyên	Tổng cộng		
	Trung tâm phát triển quỹ đất	5			0		5
c	**Huyện Ninh Phước**	**3**	**0**	**0**	**0**	**0**	**3**
	Trung tâm phát triển quỹ đất	3			0		3
d	**Huyện Ninh Sơn**	**6**	**0**	**0**	**0**	**0**	**6**
	Trung tâm phát triển quỹ đất	6			0		6
đ	**Huyện Thuận Bắc**	**3**	**0**	**0**	**0**	**0**	**3**
	Trung tâm phát triển quỹ đất	3			0		3
e	**Huyện Thuận Nam**	**5**	**0**	**0**	**0**	**0**	**5**
	Trung tâm phát triển quỹ đất	5	0		0		5
g	**Huyện Bác Ái**	**5**	**0**	**0**	**0**	**0**	**5**
	Trung tâm phát triển quỹ đất	5	0		0		5
V	**DỰ KIẾN PHÂN BỔ BỔ SUNG**	**211**	**0**	**0**	**0**	**196**	**196**